

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1371/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lý
- Bà Nguyễn Thị Lượng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 810/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3966/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 4524/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thị Pha L, sinh năm 1992

Địa chỉ: khu phố V, xã V, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1974

Địa chỉ: số nhà B đường D, Khu phố B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà L có đơn yêu cầu vắng mặt, ông B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 7 năm 2024 và lời trình bày của bà Thị Pha L:

Bà và ông Nguyễn Đức B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận

kết hôn số 152 ngày 22/9/2020. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc do tính cách không hòa hợp. Năm 2022 vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi do bất đồng ý kiến. Hai bên đã cố gắng tìm cách giải quyết để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, ông B không hỗ trợ, chia sẻ trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung với bà nên bà quyết định tách ra sống riêng và vợ chồng ly thân. Đến nay tình trạng hôn nhân không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Đức B.

Con chung: có một con tên Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 11/11/2020. Bà đang trực tiếp nuôi con nên yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Đức B, đồng thời triệu tập ông B đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày. Ông B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Thị Pha L được ly hôn ông Nguyễn Đức B. Giao con chung Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 11/11/2020 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn cư trú tại phường P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ

Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã viết bản tự khai trình bày ý kiến và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Tuy nhiên do bận công việc nên bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Đức B vắng mặt nên Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa ngày 27/11/2025 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập họp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt.

Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét, bà Thị Pha L và ông Nguyễn Đức B có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 152 ngày 22/9/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông B là hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông B đã xảy ra những mâu thuẫn do không có sự hòa hợp về tính cách và khác biệt về suy nghĩ, cách sống. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong thời gian dài nên đến nay không thể cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững. Bà L yêu cầu ly hôn nhưng ông B vắng mặt, không có ý kiến thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà L phù hợp với Giấy khai sinh số 762 ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đủ căn cứ xác định bà L và ông B có một con chung, Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 11/11/2020. Bà L yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, ông B vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con.

Căn cứ yêu cầu của bà L và để bảo đảm quyền lợi của con cũng như sự ổn định về tinh thần, tâm lý của con, cần giao con Nguyễn Hoàng Y cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228; Điều 328; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thị Pha L;

Bà Thị Pha L được ly hôn ông Nguyễn Đức B.

2. Con chung: Giao con Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 11/11/2020 cho bà Thị Pha L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Đức B được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Thị Pha L phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0073596 ngày 03/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh), đã nộp đủ.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV2 - TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Dương sự;
- UBND P. P.;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hiền Lũy